

HỌC THUYẾT KEYNES VÀ VẤN ĐỀ CHỐNG SUY GIẢM KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Đinh Văn Thông

John Maynard Keynes (1883-1946) là nhà kinh tế học nổi tiếng người Anh. Giáo sư Đại học Cambridge. Chủ bút tờ tạp chí kinh tế *Economic Journal*. Ông là một chuyên gia về tài chính và tiền tệ trong bộ tài chính Anh và giữ một vai trò chính trong việc hình thành mọi chủ trương, chính sách của hội kinh tế hoàng gia Anh. Ông cũng là người có công trong việc sáng lập ra quỹ tiền tệ quốc tế IMF.

Tác phẩm nổi tiếng của ông: *Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và về tiền tệ* (The general theory of Employment, Interest and Money)¹ được xuất bản năm 1936. Tác phẩm này xuất hiện trong bối cảnh nền kinh tế thế giới vừa trải qua một cuộc đại khủng hoảng trầm trọng (1929 – 1933), với tác phẩm này đã làm cho ông trở nên nổi tiếng và được ví như một cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng kinh tế ở các nước phương Tây.

Trong tác phẩm đó, ông đã phê phán quan điểm của phái cổ điển, phái tân cổ điển về tự điều tiết của cơ chế thị trường tư bản chủ nghĩa – cho rằng kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là mô hình kinh tế tự động tăng trưởng, không có khủng hoảng và thất nghiệp. Đồng thời Keynes đã nêu ra quan điểm mới về khủng hoảng, thất nghiệp và vai trò điều tiết kinh tế của nhà nước.

Keynes quan niệm: số lượng người làm việc trong mỗi xí nghiệp, mỗi ngành cũng như trong toàn bộ nền kinh tế sẽ tùy thuộc vào doanh số mà các nghiệp chủ dự kiến thu được từ việc bán sản lượng tương ứng với số lao động được sử dụng đó và họ sẽ cố gắng tối đa hoá lợi nhuận của họ.

Khi lượng việc làm tăng lên sẽ dẫn tới tổng thu nhập thực tế của xã hội tăng lên và điều này cũng dẫn tới tiêu dùng của xã hội tăng lên.

Nhưng khi thu nhập của dân chúng tăng lên thì đồng thời trong xã hội cũng xuất hiện một khuynh hướng tiết kiệm trong dân chúng, điều đó có nghĩa là mức tiêu dùng nhỏ hơn so với thu nhập, dẫn tới tổng cung lớn hơn tổng cầu. Điều này tất yếu làm cho giá cả giảm, lợi nhuận của doanh nghiệp giảm và doanh nghiệp có xu hướng thu hẹp sản xuất, một bộ phận lao động bị thất nghiệp. Vì vậy, để đảm bảo việc làm sẽ tùy thuộc vào số tiền đầu tư (I), số tiền đầu tư lại tùy thuộc vào sự kích thích đầu tư, sự kích thích đầu tư lại tùy thuộc vào hiệu quả biên của vốn. Do đó, việc khuyến khích đầu tư có vai trò quan trọng trong việc giải quyết việc làm trong xã hội và qua đó để phát triển kinh tế.

Như chúng ta đã biết, trường phái cổ điển cho rằng: kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tự nó sẽ xác lập nên những trạng thái cân bằng và tự nó sẽ đạt tới sự phân bổ tối ưu về tài nguyên và các nguồn lực, xã hội sẽ có đầy đủ công ăn việc làm, nếu có thất nghiệp chẳng qua là do có không ăn khớp nhất thời và do tự nguyện. Như vậy, theo họ mô hình kinh tế thị trường tự do cạnh tranh là tối ưu.

Nhưng thực tế vận động của nền kinh tế thị trường tư bản đã bác bỏ điều đó. Các cuộc khủng hoảng kinh tế liên tiếp diễn ra, tình trạng thất nghiệp diễn ra phổ biến và tất cả những

¹ John Maynard Keynes, *Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1994

điều đó luôn thường trực đe dọa chủ nghĩa tư bản. Quan điểm của Keynes là đối lập với quan điểm của phái cổ điển và cho rằng: để chống đỡ khủng hoảng và thất nghiệp phải có sự can thiệp của nhà nước, qua đó nâng cao tổng cầu trong nền kinh tế, kích thích tiêu dùng, khuyến khích doanh nhân đầu tư và kinh doanh.

Mấu chốt để hiểu được sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế theo học thuyết Keynes là nguyên lý về “cầu thực tế” và “cầu có hiệu quả” trong nền kinh tế.

Hàm số cầu tổng hợp theo học thuyết Keynes: $D = f(N)$.

Tức là tổng doanh số nhận được (D) khi sử dụng (N) số lượng lao động.

Đồng thời, theo Keynes: $\Sigma D = \Sigma D1 + \Sigma D2$

D1: là số tiền mà cộng đồng dành cho tiêu dùng (C)

D2: là số tiền mà cộng đồng dành cho đầu tư (I)

Như vậy, tổng cầu xã hội bao gồm có cầu tiêu dùng và cầu đầu tư. Nhưng đồng thời, theo Keynes, sự xuất hiện của khuynh hướng tiết kiệm dẫn tới sự giảm sút của tổng cầu. Chính sự giảm sút của tổng cầu là nguyên nhân gây ra khủng hoảng kinh tế, doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất và công nhân bị thất nghiệp. Vì vậy, cần thiết phải có sự can thiệp của nhà nước nhằm nâng cao tổng cầu trong nền kinh tế, hay như hiện nay chúng ta gọi là phải kích cầu tiêu dùng và cầu đầu tư. Trong thực tế, ở các nước có nền kinh tế thị trường đều có sự vận dụng học thuyết Keynes ở những mức độ khác nhau, qua đó để điều tiết và kích thích kinh tế. Trong học thuyết của Keynes, ông đã nhấn mạnh tới các công cụ và chính sách kinh tế mà nhà nước có thể sử dụng để tác động tới nền kinh tế nhằm nâng cao tổng cầu, bao gồm các công cụ và chính sách kinh tế như: chính sách khuyến khích đầu tư, công cụ tài chính và chính sách tài khoá, công cụ tiền tệ cũng như chính sách tiền tệ và lãi suất của chính phủ.

Đối với chính sách khuyến khích đầu tư, học thuyết Keynes chủ trương sử dụng ngân sách để kích thích đầu tư trong nền kinh tế (bao gồm cả đầu tư tư nhân và đầu tư nhà nước), qua đó để kích thích kinh tế phát triển. Nhà nước nên thực hiện các chương trình đầu tư quy mô lớn để kích thích thị trường thông qua các đơn đặt hàng của chính phủ, thông qua các dự án đầu tư, thông qua hệ thống thu mua – nhờ đó để kích thích đầu tư tư nhân. Đồng thời, qua đó theo cơ chế số nhân (một khái niệm hết sức nổi tiếng của Keynes), nó sẽ có tác dụng làm khuếch đại thu nhập quốc dân. Khái niệm về số nhân đầu tư của Keynes: đó là mối quan hệ tỷ lệ giữa sự gia tăng thu nhập so với gia tăng đầu tư, nó cho chúng ta biết khi có một sự gia tăng về đầu tư tổng hợp thì thu nhập sẽ gia tăng lên bao nhiêu lần, ta có:

$$k = \Delta R / \Delta I$$

(k: là số nhân đầu tư, ΔR : là gia tăng thu nhập, ΔI : là gia tăng đầu tư).

Đối với công cụ tài chính và chính sách tài khoá của chính phủ. Theo quan điểm của Keynes, tài chính là một công cụ hữu hiệu trong tay nhà nước để tác động tới nền kinh tế. Ví dụ: giả sử nền kinh tế đang lâm vào khủng hoảng, suy thoái và thất nghiệp, các doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, điều đó làm giảm sút tổng cầu. Vì vậy, để nâng cao tổng cầu chính phủ phải tăng chi tiêu, hoặc giảm thuế cho doanh nghiệp, qua đó nâng cao mức tiêu dùng trong nền kinh tế và do hiệu lực của cơ chế số nhân sẽ khiến cho sản lượng tăng và việc làm trong xã hội tăng lên. Ngược lại, khi nền kinh tế đang trong trạng thái phát triển “quá nóng”, lạm phát tăng – chính phủ có thể tác động bằng cách thắt chặt chi tiêu và tăng thuế. Nhờ đó mức chi tiêu giảm, sản lượng giảm và lạm phát được kiềm chế.

Đối với công cụ tiền tệ và chính sách tiền tệ của chính phủ, trong học thuyết của mình, Keynes đã đánh giá cao vai trò của công cụ chính sách tiền tệ và lãi suất. Đồng thời trong thực tế, các chính phủ đều đã có sự vận dụng công cụ và chính sách tiền tệ để tác động tới nền kinh tế. Chính sách tiền tệ được thể hiện tập trung thông qua việc ngân hàng trung ương thay đổi mức cung tiền và tỷ lệ lãi suất, nhờ đó đã tác động vào lượng tiền mặt và lãi suất trên thị trường, đồng thời tác động tới tổng cung và tổng cầu trong nền kinh tế, nâng cao “cầu có hiệu quả” nhằm chống khủng hoảng và suy thoái kinh tế.

Như vậy, học thuyết Keynes đã chỉ ra những chính sách và công cụ kinh tế mà nhà nước có thể dùng nó can thiệp và tác động tới nền kinh tế. Nhưng rõ ràng toa thuốc quá liều cũng có thể gây ra mặt trái của nó. Do đó, có thể phát sinh mặt trái của sự can thiệp quá mức từ phía nhà nước.

Ở đây chúng ta có thể nêu ra một số tiêu cực nếu như áp dụng thái quá học thuyết Keynes:

- Về chính sách giảm giá để kích cầu nền kinh tế: sự giảm giá rõ ràng có tác động kích thích tiêu dùng nâng cao tổng cầu, giải phóng một phần tư bản. Nhưng mặt khác, mức giảm giá trong nền kinh tế cũng có thể gây hại cho nền kinh tế. Ví dụ như: sự giảm giá sẽ tác động lên số nợ kinh doanh của các doanh nghiệp, tạo thành gánh nặng về tài chính; sự giảm giá cũng làm giảm sút lợi nhuận của các doanh nghiệp, mà lợi nhuận lại là động lực của kinh doanh. Do đó không khuyến khích đầu tư và gia tăng tổng cầu.

- Về chính sách tài khoá của chính phủ: trong học thuyết của mình Keynes đã lập luận rằng, cần thiết phải có vai trò nhà nước trong điều tiết kinh tế để chống đỡ khủng hoảng và thất nghiệp. Nhà nước nên sử dụng quyền hạn đó để đánh thuế và gia tăng chi tiêu, qua đó tác động lên chu kỳ kinh doanh. Chi tiêu của chính phủ là khoản đầu tư công cộng, bơm thêm tiền vào dòng chảy thu nhập và do đó để nâng cao tổng cầu. Những khoản chi tiêu đó là lấy từ tiền đánh thuế trong nền kinh tế (như vậy, vô hình chung lại làm giảm tiêu dùng và giảm lợi nhuận của doanh nghiệp). Thu nhập của chính phủ cũng được lấy từ việc bán trái phiếu chính phủ và bằng những biện pháp vay nợ khác... Như vậy, rất có thể làm thâm hụt ngân sách, gánh nặng nợ nần của nhà nước ngày một gia tăng và những phát sinh tiêu cực thứ phát khác lại tác động lên nền kinh tế làm cản trở các điều kiện sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy rất có thể phát sinh các vấn đề sau:

+ Để kích cầu thì phải giảm thuế, nhưng giảm thuế lại làm thâm hụt ngân sách, giảm chi tiêu của chính phủ.

+ Nếu tăng chi tiêu chính phủ thì rất có thể hiệu quả biên của vốn bị giảm sút. Đồng thời gây ra lạm phát và tăng gánh nặng nợ nần cho ngân sách.

- Về chính sách tiền tệ của chính phủ: chính sách tiền tệ của chính phủ thể hiện rõ nhất thông qua các chính sách cung ứng tiền tệ và các chính sách về lãi suất. Cả hai công cụ này đều hết sức hữu hiệu trong tác động và điều tiết kinh tế, nhưng đồng thời cũng có nguy cơ tiềm ẩn mặt trái của nó.

+ Nếu lượng tiền mặt phát hành quá mức thì sẽ đẩy mức giá cả lên cao và có nguy cơ gây ra lạm phát.

+ Nếu thực hiện chính sách giảm lãi suất để khuyến khích đầu tư nhằm nâng cao tổng cầu, thì đồng thời làm gia tăng mức cung ứng tiền tệ và do đó cũng có nguy cơ gây ra lạm phát.

Về khả năng vận dụng học thuyết Keynes hiện nay ở nước ta nhằm chống suy giảm kinh tế:

*Trước hết cần khẳng định quan điểm về mô hình phát triển kinh tế ở nước ta đã được xác định qua các kỳ đại hội của Đảng CSVN là “phát triển kinh tế hàng hóa gồm nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN.” Như vậy, vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của nhà nước ta là hết sức quan trọng, qua đó để đảm bảo tính hiệu quả của thị trường và để đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở vận dụng học thuyết Keynes và những lý luận kinh tế mới nhất về kinh tế thị trường hiện đại ngày nay, chúng ta có thể khẳng định rằng: Nhà nước cần thiết phải tích cực và chủ động tác động vào nền kinh tế, qua đó để ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và phát triển, đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới đang tác động tiêu cực tới nước ta thì vai trò đó càng trở nên cấp thiết.

Các công cụ và chính sách kinh tế chủ yếu mà nhà nước xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có thể sử dụng và tác động vào nền kinh tế là:

- Xây dựng bộ phận kinh tế nhà nước vững mạnh và hoạt động có hiệu quả.

Kinh tế nhà nước là thành phần kinh tế (bộ phận kinh tế) dựa trên sở hữu nhà nước về vốn, các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên và về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Bao gồm các doanh nghiệp nhà nước; các tài sản thuộc sở hữu nhà nước như đất đai, hầm mỏ, rừng, biển và các tài nguyên khác; các nguồn lực thuộc sở hữu nhà nước khác như: ngân sách, các quỹ dự trữ, hệ thống ngân hàng nhà nước, hệ thống bảo hiểm, các công trình thuộc về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và phần vốn góp của nhà nước vào các loại hình kinh doanh khác nhau.

Như vậy, kinh tế nhà nước bao gồm nhiều bộ phận hợp thành, trong đó doanh nghiệp nhà nước là một trong những bộ phận nòng cốt, vì đây là bộ phận chiếm giữ một phần lớn tài sản của nền kinh tế và tạo ra khoảng trên 1/3 tổng sản phẩm xã hội (GDP) và là một lực lượng vật chất quan trọng để nhà nước tác động tới nền kinh tế quốc dân. Đồng thời theo quan điểm của Đảng ta, trong quá trình phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường phải được thể hiện trên hai mặt chủ yếu sau: thứ nhất, kinh tế nhà nước phải nắm giữ và chi phối các vị trí, các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế quốc dân – đó là hệ thống tài chính, ngân hàng và bảo hiểm, các cơ sở sản xuất và kinh doanh dịch vụ quan trọng trong các ngành của nền kinh tế quốc dân, những vị trí và lĩnh vực trọng yếu thuộc về kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội... Qua đó để có thể đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, tác động tới tổng cung và tổng cầu, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Thứ hai, bộ phận kinh tế nhà nước phải chuyển mạnh sang cơ chế kinh tế thị trường, đảm bảo thực hiện kinh doanh với mục tiêu năng suất, chất lượng và hiệu quả. Có như vậy mới lôi cuốn và chi phối được các thành phần kinh tế khác, thúc đẩy quá trình tăng trưởng nhanh và bền vững.

Để phát huy được vai trò chủ đạo trên, các doanh nghiệp nhà nước hiện nay ở nước ta đang trong quá trình đổi mới và sắp xếp lại, thông qua một loạt các biện pháp như: giải thể, sáp nhập các xí nghiệp làm ăn thua lỗ và kém hiệu quả; tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; sắp xếp lại các tổng công ty theo mô hình công ty mẹ công ty con, tiến tới hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh.

Xây dựng bộ phận kinh tế nhà nước vững mạnh, hoạt động hiệu quả, đó chính là điều kiện vật chất hết sức quan trọng để nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Quan điểm của Đảng ta trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X đã khẳng định: “Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển”; đồng thời trong văn kiện cũng đã chỉ rõ: “Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hoá. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh vực công ích... Thúc đẩy việc hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh, tầm cỡ khu vực, có sự tham gia cổ phần của nhà nước, của tư nhân trong và ngoài nước, các công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư..., trong đó nhà nước giữ cổ phần chi phối.”²

- Sử dụng công cụ tài chính và chính sách tài khóa của chính phủ.

Về mặt lý luận, chúng ta đều biết: chính sách tài khoá là việc chính phủ sử dụng thuế khoá và chi tiêu công cộng để điều tiết mức chi tiêu chung của nền kinh tế và do đó tác động đến tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế. Học thuyết Keynes cũng đã chỉ ra tầm quan trọng của công cụ tài chính và các nước có nền kinh tế thị trường đều vận dụng công cụ đó ở những mức độ khác nhau. Tất nhiên ở nước ta cũng không là ngoại lệ, nền tài chính ở nước ta là nền tài chính phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chính sách tài chính là chính sách huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính để phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu chung của chính sách tài khoá hiện nay ở nước ta là:

+ Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Vì vậy, chính sách tài khoá phải hướng tới việc thúc đẩy tiết kiệm và tăng đầu tư trong cả hai khu vực tư nhân và nhà nước. Trong học thuyết Keynes, đầu tư (I) và tiết kiệm (S) là hai đại lượng kinh tế vĩ mô quan trọng và trong nền kinh tế vĩ mô: $I = S$. Vì vậy theo Keynes, cần phải khuyến khích các dòng tiết kiệm đầu tư vào sản xuất kinh doanh để kích thích kinh tế.

+ Đảm bảo việc làm trong xã hội và giảm thất nghiệp. Hơn nữa hiện nay sức ép về việc làm ngày càng gia tăng, vì vậy giải quyết việc làm là một mục tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của chính sách tài khoá.

+ Ổn định giá cả và tiền tệ, chống nguy cơ lạm phát.

+ Thực hiện công bằng xã hội, thông qua việc điều tiết thu nhập và đây là mục tiêu quan trọng nhằm hướng tới mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Sử dụng công cụ tiền tệ và chính sách tiền tệ của chính phủ.

Như chúng ta đều biết, sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế thị trường và do đó sự phát triển của hệ thống ngân hàng và vai trò của nó trong nền kinh tế đã buộc các chính phủ phải nắm lấy công cụ tiền tệ và hệ thống ngân hàng, qua đó để thực hiện chính sách tiền tệ nhằm tác động tới nền kinh tế.

Các công cụ của chính sách tiền tệ mà ngân hàng trung ương sử dụng là:

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006

+ Hoạt động của thị trường mở. Thị trường mở là thị trường tiền tệ của ngân hàng trung ương, được sử dụng để mua hoặc bán trái phiếu chính phủ - thông qua đó ngân hàng có thể điều tiết mức cung ứng tiền tệ, tác động tới tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế.

+ Quy định tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại. Thông qua đó, đảm bảo an toàn cho hoạt động của hệ thống ngân hàng, đồng thời điều tiết mức cung ứng tiền tệ.

+ Công cụ lãi suất chiết khấu. Lãi suất chiết khấu là lãi suất quy định của ngân hàng trung ương khi họ cho các ngân hàng thương mại vay tiền, qua đó để tác động tới mức cung ứng tiền tệ.

Đối với nước ta hiện nay, chính sách tiền tệ là công cụ điều tiết vĩ mô hết sức quan trọng, vai trò của nó ngày càng tăng cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính sách tiền tệ phải khống chế được lượng tiền phát hành và tổng quy mô tín dụng. Trong chính sách tiền tệ, lãi suất là một công cụ quan trọng, là phương tiện để điều tiết mức cung, cầu về tiền tệ; thắt chặt hay nới lỏng lượng cung ứng tiền tệ và do đó kiềm chế lạm phát. Thông qua hoạt động của hệ thống ngân hàng nó sẽ có tác động trực tiếp đến nền kinh tế, mục tiêu của chính sách tiền tệ là: ổn định tiền tệ, kiểm soát lạm phát, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an toàn của hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng.

*Những giải pháp cấp bách nhằm nâng cao tổng cầu (kích cầu) để chống suy giảm kinh tế ở nước ta hiện nay:

Như chúng ta đều biết, từ tháng 9-2008, cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu từ Mỹ đã nhanh chóng lan sang hầu hết các nước và mang tính chất toàn cầu, nước ta cũng đang chịu ảnh hưởng trực tiếp của cuộc khủng hoảng tài chính mang tính chất toàn thế giới đó. Theo IMF, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2009 sẽ chỉ còn vào khoảng 2,2%, các nước phát triển dự kiến tăng trưởng 0,3%, trong đó Mỹ -0,7%, Nhật -0,2%, Đức -0,8%, Pháp -0,5%, Anh -1,3%... Các nước đang phát triển dự kiến có mức tăng trưởng dương khoảng 5,1%.

Đối với nước ta, năm 2006 tăng trưởng kinh tế đạt 8,2%, năm 2007 đạt 8,5% năm 2008 giảm xuống còn 6,23%, dự kiến năm 2009 chỉ đạt 5%. Như vậy là, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã và đang tác động mạnh tới nền kinh tế nước ta, hầu hết các ngành sản xuất và dịch vụ trong nước đều bị giảm sút, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp. Xuất khẩu giảm liên tục trong bốn tháng cuối năm 2008: từ 6,55 tỷ USD (tháng 7) xuống còn 4,8 tỷ USD (tháng 11) và 4,9 tỷ USD (tháng 12/2008); giá nhiều mặt hàng xuất khẩu giảm mạnh từ 20-40% so với tháng 9.³

Trước thực trạng kinh tế khó khăn, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút, thị trường xuất khẩu thu hẹp, nhiều doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, công nhân mất việc làm. Ngay từ những ngày đầu năm 2009, chính phủ đã cho tiến hành triển khai một số chính sách và giải pháp quan trọng nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng và đảm bảo an sinh xã hội. Trong đó có những giải pháp quan trọng là huy động mọi nguồn lực trong xã hội để kích cầu đầu tư và tiêu dùng; thực hiện các chính sách tiền tệ và tài chính tích cực, hiệu quả để tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và xuất khẩu; hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động để đảm bảo sản xuất, giải quyết việc làm. Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu, sự sụp đổ của hệ thống ngân hàng và các doanh nghiệp, thất nghiệp tăng mạnh... Nhiều nước trên thế giới đã đưa ra các gói kích cầu hàng trăm tỷ USD. Đối với nước ta, từ đầu năm đến

³ Nguyễn Tấn Dũng, Phát huy sức mạnh tổng hợp nỗ lực phấn đấu ngăn chặn suy giảm kinh tế duy trì tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội, Nhân dân, 2-1-2009.

nay chính phủ cũng đưa ra hai gói cứu trợ kinh tế để kích cầu đầu tư và cầu tiêu dùng. Theo đó hỗ trợ 4% lãi suất cho vay ngắn hạn (không quá 12 tháng) với gói kích cầu 17000 tỷ đồng (khoảng 1 tỷ USD) cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để vay vốn lưu động nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và duy trì việc làm. Đồng thời cũng bắt đầu từ quý 2 (năm 2009), Chính phủ cũng đưa ra gói kích cầu thứ 2 về hỗ trợ lãi suất 4% cho vay trung và dài hạn (không quá 24 tháng). Mới đây, trong buổi họp báo vào ngày 30 tháng 10, Chính phủ cũng đã chính thức thông báo sẽ kéo dài gói hỗ trợ lãi suất sang năm 2010. Tuy nhiên phạm vi hỗ trợ sẽ thu hẹp lại, cụ thể các đối tượng được quy định trong hai quyết định 497 (về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn) và quyết định 443 (về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới phát triển sản xuất-kinh doanh) của Chính phủ sẽ được hỗ trợ lãi suất ở mức 2% thay vì 4% như trước đây, và thời gian hỗ trợ sẽ kéo dài hết năm 2010. Còn các đối tượng được quy định trong quyết định 131 (về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất-kinh doanh) sẽ được hỗ trợ lãi suất ở mức 2% với thời gian kéo dài hết quý I năm 2010, sau đó Chính phủ sẽ xem xét tình hình kinh tế thế giới để quyết định có tiếp tục hỗ trợ lãi suất cho các đối tượng này hay không. Ngoài ra, Chính phủ cũng đã quyết định việc giãn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 3 tháng đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2010.

Trong điều kiện kinh tế thế giới khủng hoảng suy thoái thị trường bên ngoài bị thu hẹp, kinh nghiệm các nước thường đưa ra hai biện pháp đối phó là: kích cầu sản xuất, cầu tiêu dùng và bảo hộ sản xuất trong nước. Đối với nước ta, để kích cầu và ngăn chặn suy giảm kinh tế cần hướng vào các giải pháp sau:

+ Thứ nhất, để kích cầu tiêu dùng thì cần thiết phải thực hiện đồng bộ các giải pháp như: giảm mạnh giá hàng tiêu dùng, điều chỉnh tăng lương, giảm thuế thu nhập cá nhân và doanh nghiệp, tăng cho vay tiêu dùng. Đồng thời, thực hiện giãn, khoan nợ, và tăng các khoản hỗ trợ an sinh xã hội, nhất là trợ cấp cho người nghèo, tiến tới thực hiện bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ học phí, viện phí... với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm. Khuyến khích các hoạt động chuyển đổi nghề nghiệp và triển khai các chương trình đào tạo nghề và tạo việc làm mới...

+ Thứ hai, kích cầu đầu tư: tăng đầu tư không chỉ làm tăng GDP mà còn tạo thêm nhiều việc làm và tăng thu nhập, đầu tư ở đây là - bao gồm đầu tư tư nhân và đầu tư nhà nước. Ở nước ta hiện nay, đầu tư từ tư nhân chiếm khoảng 33% tổng vốn đầu tư xã hội và đang có xu hướng tăng lên; trong bối cảnh khủng hoảng hiện nay thì đầu tư nhà nước có vai trò quan trọng để dẫn dắt, kích thích, tạo tiền đề và hiệu ứng lan toả cho đầu tư của các thành phần kinh tế khác. Vì vậy, vốn đầu tư từ ngân sách, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA sẽ chủ yếu để đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng tạo thuận lợi cho sản xuất và lưu thông hàng hoá; còn đối với đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước, các tập đoàn và tổng công ty phải hướng vào các dự án công nghệ hiện đại, phát triển công nghiệp phụ trợ, tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cao và có giá trị gia tăng lớn, các dự án thu hút nhiều việc làm để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Để hỗ trợ cho đầu tư sản xuất kinh doanh và kích cầu đầu tư, chính phủ đã thực hiện nhiều giải pháp quan trọng trong lĩnh vực tài chính tiền tệ nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh hàng hoá và dịch vụ, ví dụ như: giảm và hoãn thời hạn nộp thuế, hỗ trợ lãi suất và thực hiện bảo lãnh tín dụng, điều chỉnh tỷ giá linh hoạt theo tín hiệu thị trường tạo thuận lợi cho xuất khẩu...

Như vậy, ở đây các chính sách về tài chính và tiền tệ có vai trò hết sức quan trọng trong việc kích cầu đầu tư và kích cầu tiêu dùng, qua đó nâng cao tổng cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và tăng thu nhập.